TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiểm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Bà Nguyễn Thị Tâm;

2) Bà Lương Thị Bông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 119/2022/ TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm NT, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Xóm Bản Mèn, xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hứa Đức K, sinh năm: 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Xóm NT, xã LV, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình xét xử, nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Hứa Đức K đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 07/5/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Việc kết hôn giữa chị và anh K hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh K sống chung với gia đình bố mẹ đẻ anh K tại xóm NT, xã LV, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một gian ngắn, sau đó mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh K không

tu trí làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, của vợ, con; ham rượu chè và thường hay chửi mắng xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị. Chị đã nhiều lần trực tiếp và nhờ người thân trong gia đình cũng như bạn bè khuyên giải anh K nhiều lần nhưng anh K không thay đổi, ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chịu đựng được thêm nên từ tháng 12 năm 2021 chị đã phải về ở cùng bố mẹ đẻ tại xóm Bản Mèn, xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và cũng từ đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị K quyết xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị Th xác định, chị và anh Hứa Đức K có 01 con chung là Hứa Đức Trung, sinh ngày 30/11/2008. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Vì từ năm 2017, cháu Trung đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị Th tại xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn sinh sống, học tập ổn định đến nay.

Về tài sản chung và các khoản vay, nợ chung: Chị Th xác định, chị và anh Hứa Đức K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn - anh Hứa Đức K, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cũng như Thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh K không có văn bản nêu ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập cũng như thông báo mở phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh, làm việc với anh Hứa Đức K, anh K có trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Th có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2004 tại UBND xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn trên tinh thần tự nguyện. Anh K xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến to tiếng cãi cọ, dùng những lời nói xúc phạm nhau. Nhưng anh xác định, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th. Tuy nhiên, nếu chị Th K quyết xin được ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh K xác định, anh và chị Th có 01 con chung là Hứa Đức Trung, sinh ngày 30/11/2008. Khi anh, chị ly hôn cháu muốn ở với ai anh cũng đồng ý. Chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản vay, nợ chung: Anh K xác định, anh và chị Th không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, vắng mặt anh K không có lý do, không có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật, K quyết ly hôn với anh K và giữ nguyên yêu cầu, quan điểm giải quyết về con chung như đã trình bày ở trên.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng, việc cấp, giao, tống đạt văn bản tố tụng, việc thu thập tài liệu chứng cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn: Không chấp hành theo quy định của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 và Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Th cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Hứa Đức K; Về con chung: Giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hứa Đức Trung, sinh ngày 30/11/2004 cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Hứa Đức K do chị Nguyễn Thị Th tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung và các khoản vay, nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án đối với đương sự.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn - anh Hứa Đức K cư trú tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh, lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa ngày hôm nay là lần thứ hai, Tòa án đã tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Hứa Đức K có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của chị Th xin được ly hôn anh Hứa Đức K thấy: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh K không đến Toà án để làm việc, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày tại phiên toà của chị Th và kết quả xác minh và biên bản làm việc của Toà án đối với anh Hứa Đức K, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh K đã quá trầm trọng, vợ chồng ly thân từ 12 năm 2021 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh K mong muốn chị Th suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, chung sống cùng nhau nuôi dạy con chung. Nhưng anh K không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn giữa anh và chị Th. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, cho ly hôn giữa chị Th và anh K.

Về con chung: Chị Th và anh K có 01 con chung là Hứa Đức Trung, sinh ngày 30/11/2008, từ năm 2017 đến nay chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện đang ổn định nơi cư trú, ăn ở, học hành. Anh K không có công việc ổn định. Để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, khi ly hôn cần giao con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con, việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con của chị Th là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hứa Đức K.

Về tài sản chung và các khoản vay, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều: 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Hứa Đức K.

2.Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là Hứa Đức Trung, sinh ngày 30/11/2008 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

2.2.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K do chị Th tự nguyện không yêu cầu. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và các khoản vay, nợ chung: Không giải quyết.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004637 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ(02 bản);
- THADS huyện ĐịnhHóa;
- UBND xã LV, huyện Đ;
- UBND xã Dương Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiểm